

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/DS-PT

Ngày: 14-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Tấn Quốc

2. Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Chính Hào – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 191/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ A ấp, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Hồng M, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ A ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Đặng Trung H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Phan Thị Hồng M, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ A ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1978.

4. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn, ông Đặng Trung H

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

(Bà Phan Thị Hồng M, ông Đặng Trung H có mặt; bà Nguyễn Thị Thùy L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Văn L, bà Đặng Thị Kim H1, ông Nguyễn Minh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, ông Lê Văn L trình bày:*

Vào ngày 31/3/2021, vợ chồng ông đã cho vợ chồng ông Đặng Trung H và bà Nguyễn Thị Thùy L1 vay số tiền 2.500.000.000 đồng có lập hợp đồng vay tiền kèm giấy nhận tiền số 310321/HĐVCN, mục đích vay là để vợ chồng ông H đáo hạn Ngân hàng, thời hạn cho vay là 01 tháng, mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Ông H bà L1 đã trực tiếp nhận số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau đó mỗi tháng vợ chồng ông H đều trả tiền lãi là 50.000.000 đồng, trả lãi liên tục được 24 tháng thì không tiếp tục trả lãi nữa, vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H bà L1 trả nợ nhưng ông H bà L1 không có thiện chí trả nợ.

Khi cho vay thì vợ chồng ông H bà L1 có đưa cho vợ chồng ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông H đứng tên giấy nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Ngày 10/8/2023 thì Ủy ban nhân dân xã P đã mời các bên đến hòa giải. Tại buổi hòa giải thì vợ chồng ông H đồng ý trả nợ nhưng vẫn cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông H bà L1 phải liên đới trả cho ông số tiền nợ vay gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Sau khi ông H bà L1 trả xong nợ thì ông sẽ trả lại cho ông H bà L1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Bị đơn, ông Đặng Trung H trình bày:*

Vào ngày 31/3/2021, ông và vợ ông là Nguyễn Thị Thùy L1 có ký hợp đồng vay tiền kèm giấy nhận tiền số 310321/HĐVCN vay của vợ chồng ông L bà Phan Thị Hồng M số tiền là 2.500.000.000 đồng, mục đích vay là để ông đáo hạn Ngân hàng, thời hạn cho vay ông không nhớ là bao lâu, mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, khi vay vợ chồng ông có thể chấp cho vợ chồng ông L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông đã nhận số tiền 2.500.000.000 đồng vào ngày 31/3/2021. Sau đó ông đã trả lãi cho vợ chồng ông L mỗi tháng là 50.000.000 đồng, đã trả lãi liên tục được 24 tháng kể từ ngày vay.

Vợ chồng ông thừa nhận có vay của vợ chồng ông L số tiền là 2.500.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên ông L không tạo điều kiện để ông bán đất mà có những hành động cản trở nên ông không bán đất được. Đối với tiền lãi thì

vợ chồng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, yêu cầu vợ chồng ông L phải trả lại cho ông bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lãi tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023, bà Đặng Thị Kim H1 (chị ruột ông H) và chồng bà H1 là ông Nguyễn Minh T đã tự ý trả cho ông L, ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị Hồng M trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Lê Văn L, số tiền cho vay là tiền chung của bà và ông L nhưng vợ chồng bà thống nhất để ông L đứng khởi kiện và ông L được toàn quyền quyết định số tiền này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L1 trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đặng Trung H. Bà và chồng bà là ông Đặng Trung H thừa nhận có vay của vợ chồng ông L2 M số tiền là 2.500.000.000 đồng nên bà đồng ý liên đới trả số tiền này. Đối với tiền lãi thì vợ chồng bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ông là chồng của bà Đặng Thị Kim H1, bà H1 là chị ruột của ông H, trước đây vợ chồng ông cũng có vay tiền với ông L. Ông và bà H1 không biết về quá trình cho vay tiền giữa ông L với ông H. Vào ngày 01/6/2023 thì ông L yêu cầu ông và bà H1 ký giấy nhận trả tiền lãi thay cho ông H trong các tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2023 với số tiền là 153.000.000 đồng và hàng tháng thì vợ chồng ông đều trả tiền lãi với mức lãi suất là 3%/tháng đối với số tiền 153.000.000 đồng này, vợ chồng ông đã trả lãi đến tháng 12 năm 2023 với tổng số tiền lãi là 27.540.000 đồng nên ông H phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền lãi trong các tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2023 theo giấy viết tay thỏa thuận về việc nhận tiền mà vợ chồng ông đã ký với ông L, đối với số tiền lãi 27.540.000 đồng mà vợ chồng ông đã trả cho ông L thì ông đồng ý trừ số tiền lãi này vào số tiền lãi mà vợ chồng ông H phải trả cho ông L. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim H1 trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Minh T, không có ý kiến nào khác.

Tại Bản dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV QH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 463, 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 và 6 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1.

Ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới thanh toán cho ông Lê Văn L số tiền là 2.748.306.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 248.306.000 đồng.

Kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông H bà L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Ông Lê Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Trung H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 00743 cấp ngày 18/11/2013 cho ông H đối với thửa đất số 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông Lê Văn L số tiền tạm ứng án phí là 42.000.000 đồng nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0012598 ngày 17/10/2023.

Ông Đặng Trung H bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới chịu án phí là: 86.966.000 đồng.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 19/01/2024, bị đơn, ông Đặng Trung H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu xem xét lại phần lãi của Bản án sơ thẩm.

Ngày 19/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS, với nội dung bản điều tiết lãi chưa đúng theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc không rút quyết định kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục: Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của ông Đặng Trung H và kháng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/3/2021 ông H, bà L1 vay của ông L, bà M số tiền 2.500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền kèm giấy nhận tiền số 310321/HĐVCN, trả lãi hàng tháng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hợp đồng không xác định thời hạn. Ông L và ông H, bà L1 thống nhất là phía ông H2 trả lãi trả lãi hàng tháng, tổng số tiền lãi đã thanh toán đến tháng 02/2023 là 1.151.000.000 đồng. Từ tháng 3/2023 trở đi, ông H không có trả lãi. Do lãi tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023,

ông T và bà H1 đã trả thay cho ông H nên ông L không có yêu cầu. Ông L yêu cầu trả lãi từ tháng 6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, được tính theo lãi quá hạn.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng tính lãi trong hạn, từ ngày vay, ngày 31/3/2021 đến hết tháng 02/2023 với lãi suất 20%/năm; lãi suất từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2024, theo mức lãi suất 30%/năm là đúng theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định không được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi mà trừ vào cuối kỳ là chưa đúng theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Trung H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cải sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần tiền nợ gốc và tiền lãi mà phía bị đơn còn phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đặng Trung H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Lê Văn L vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Hồng M; bà Nguyễn Thị Thùy L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Đặng Thị Kim H1 và ông Nguyễn Minh T không có kháng cáo, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L: Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Trung H và bà Nguyễn Thị Thùy L1 trả số tiền vốn vay 2.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử (ngày 04/01/2024).

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1. Ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới thanh toán cho ông Lê Văn L số tiền là 2.748.306.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 248.306.000 đồng. Kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. 2. Ông Lê Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Trung H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 00743 cấp ngày 18/11/2013 cho ông H đối với thửa đất số 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m², tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi án sơ thẩm tuyên, ông Đặng Trung H kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc kháng nghị phúc thẩm các đương sự khác không kháng cáo.

[5] Nội dung kháng cáo của ông Đặng Trung H: Yêu cầu xem xét lại cách tính lãi của ông đã trả cho ông L theo quy định pháp luật. Đối với số tiền lãi tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023, bà Đặng Thị Kim H1 (chị ruột ông H) và chồng bà H1 là ông Nguyễn Minh T đã tự ý trả cho ông L, ông không đồng ý.

[6] Nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Ngày 19/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS, với nội dung bản điều tiết lãi chưa đúng theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về số tiền nợ gốc, số tiền lãi ông H đã trả, phía ông L, bà M có lời khai thống nhất: Ông L bà M cho vợ chồng ông H bà L1 vay số tiền 2.500.000.000 tỷ đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, là khoản vay không kỳ hạn theo hợp đồng vay tiền kèm giấy nhận tiền số 310321/HĐVCN ngày 31/3/2021. Ông H đã trả lãi hàng tháng, số tiền lãi đã trả đến tháng 02 năm 2023 là 1.151.000.000 đồng; hình thức trả lãi, ông H3 lãi bằng chuyển khoản qua tài khoản thụ hưởng của bà Phan Thị Hồng M, là vợ của ông L, trường hợp không chuyển khoản thì trả bằng tiền mặt vào ngày 30 hàng tháng. Đây là tình tiết đã được các bên thừa nhận, nên cần được chấp nhận không phải chứng minh.

[8] Bà H1 và ông T và ông L thống nhất tiền lãi các tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2023, thì ngày 01/6/2023, vợ chồng bà H1 ông T đã ký giấy vay ông L số tiền 153.000.000 đồng, mục đích vay số tiền này là để trả tiền lãi thay cho ông H trong tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2023. Do đó, ông L không yêu cầu ông H trả tiền lãi của tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023. Ông L chỉ yêu cầu ông H trả tiền lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trong vụ án này, bà H1 và ông T không có yêu cầu gì.

[9] Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất: 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. ...

[10] Khoản Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: 5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[11] Điều 9 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn về xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định: Hợp đồng vay tài sản có thỏa

thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.

[12] Bản án sơ thẩm đã áp dụng tính lãi trong hạn, từ ngày vay, ngày 31/3/2021 đến hết tháng 02/2023 với lãi suất 20%/năm; lãi suất từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2024, theo mức lãi suất 30%/năm là đúng theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định không được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi mà trừ vào cuối kỳ là chưa đúng theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, nên kháng cáo của ông Đặng Trung H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc là có cơ sở, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[13] Tính lãi, cụ thể như sau:

[13.1] Lãi từ ngày 31/03/2021 đến ngày 06/3/2023 (ngày ông H trả lãi cuối cùng): Vốn gốc ban đầu là 2.500.000.000 đồng, lãi suất tính theo lãi suất 20%. Ngày 30/4/2021 ông H đã trả lãi 50.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định pháp luật là 41.095.890 đồng, tiền lãi ông H trả dư là 8.904.110 đồng. Số tiền trả lãi dư được trừ vào nợ gốc. Như vậy đến ngày 30/4/2021, nợ gốc còn lại là 2.491.095.890 đồng. Tương tự với cách tính lãi như vậy, đến ngày 06/3/2023, ông H đã trả lãi tổng cộng là 1.151.000.000 đồng, tiền gốc sau khi trừ số tiền lãi trả dư còn lại là 2.237.054.777 đồng, làm tròn 2.237.054.000 đồng.

[13.2] Từ ngày 07/3/2023 đến 01/6/2026, ông T, bà H1 đã trả thay tiền lãi tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023 thay cho ông H, nhưng ông H không đồng ý việc ông T và bà H1 trả thay ông vì việc trả nợ này không có sự đồng ý của ông H. Đối với ông L, dù ông H không đồng ý, ông vẫn không yêu cầu ông H trả lãi đối với lãi của tháng 3, tháng 4, tháng 5/2023.

[13.3] Từ ngày 02/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2024, do ông H không đồng ý việc ông T, bà H1 trả lãi thay, nên tiền lãi được tính theo lãi suất 30%/năm, trên số nợ gốc 2.237.054.777 đồng là đồng là 397.153.834 đồng, làm tròn là 397.153.000 đồng.

[14] Tổng số tiền gốc và lãi còn phải trả: $2.237.054.000 + 397.153.000$ đồng = 2.634.207.000 đồng. Nhưng bản án sơ thẩm buộc ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới thanh toán cho ông Lê Văn L số tiền là 2.748.306.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 248.306.000 đồng là chưa đúng, cần thiết sửa một phần bản án sơ thẩm.

[15] Việc ông T, bà H1 vay nợ ông L để cân trừ nợ cho ông H, các đương sự không ai có yêu cầu gì, nên cấp sơ thẩm không giải quyết là có cơ sở.

[16] Các khoản khác không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[17] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Trung H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 463, 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản Điều 5 và 6 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1.

Ông Đặng Trung H, bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới thanh toán cho ông Lê Văn L số tiền là 2.634.207.000 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu hai trăm linh bảy ngàn đồng) trong đó nợ gốc là 2.237.054.000 đồng (hai tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi là 397.153.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông H bà L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Ông Lê Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Trung H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 00743 cấp ngày 18/11/2013 cho ông H đối với thửa đất số 3732, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.568m² tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông Lê Văn L số tiền tạm ứng án phí là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0012598 ngày 17/10/2023.

Ông Đặng Trung H bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới chịu án phí là: 84.684.000 đồng (tám mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng)

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Trung H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đặng Trung H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0011046 ngày 30/01/2024 của Chi Cục hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Văn Uẩn